

CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

BÙI XUÂN KHU

Thứ trưởng thường trực Bộ Công nghiệp

Công nghiệp có một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế cả nước, nhất là trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thực hiện đường lối đổi mới, trong 20 năm qua tuy còn nhiều khó khăn, nhưng phát triển công nghiệp bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP đã chiếm 41,03% năm 2005, riêng công nghiệp chiếm 34,67%.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

Giá trị sản xuất công nghiệp liên tục có tốc độ tăng trưởng khá. Bình quân 5 năm 1986 - 1990 tăng 5,5%/năm; 1990-1995 tăng 13,7%/năm; 1996-2000 tăng 13,9%/năm và 2001- 2005 tăng 16%/năm (vượt chỉ tiêu đề ra là 13%/năm).

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu: Các sản phẩm chủ yếu của ngành đều đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. So với năm 1985, nhiều sản phẩm công nghiệp năm 2005 tăng gấp nhiều lần như: điện sản xuất gấp 10,2 lần; than sạch gấp 5,7 lần; thép và sản phẩm thép gấp 63,1 lần; động cơ điện các loại gấp 8,7 lần; động cơ diesel gấp 27,4 lần; máy biến thế gấp 95,1 lần; quạt điện gấp 3,8 lần; phân hoá học gấp 4,3 lần; quần áo dệt kim gấp 9,9 lần; quần áo may sẵn gấp 13,7 lần; giấy bia các loại gấp 11,5 lần; bia các loại gấp 16,4 lần; sữa đặc có đường gấp 15,2 lần; dầu thực vật gấp 19,4 lần; xi măng gấp 18,7 lần... Một số sản phẩm mới có giá trị

lớn bắt đầu xuất hiện trong giai đoạn này đã có sản lượng ngày càng tăng như: dầu thô năm 1990 chỉ có 2,7 triệu tấn thì năm 2005 đã đạt 18,52 triệu tấn; máy thu hình tăng từ 141,2 nghìn cái (1990) lên 2,51 triệu cái (2005); xe máy từ 62 nghìn cái (1995) lên 2,02 triệu cái (2005), ô tô từ 3,5 nghìn cái (1995) lên 64 nghìn cái (2005)...

Về xuất khẩu, công cuộc đổi mới đã tạo điều kiện và cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu cả nước nói chung và xuất khẩu hàng hoá công nghiệp nói riêng. Năm 1986 tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước dưới 1 tỷ USD, sau 20 năm tổng kim ngạch đạt 32,44 tỷ USD, bằng 46,4 lần kim ngạch xuất khẩu năm 1985 (698,5 triệu USD), trong đó hàng công nghiệp chiếm 77%. Tỷ trọng hàng công nghiệp tham gia xuất khẩu tăng nhanh, năm 1985 chỉ đạt 18,7% nhưng sau 20 năm, đến năm 2005, xuất khẩu hàng công nghiệp đã chiếm 75,8%, trong đó riêng

các mặt hàng công nghiệp chủ yếu đã chiếm 65% tổng kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm 7,7%, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 29,9%, hàng nông lâm thủy hải sản chiếm 62,3%; năm 2005 cơ cấu tương ứng của các nhóm hàng này là: 34,2%, 40,7% và 25,1%. Một số mặt hàng có tổng kim ngạch 2005 tăng cao so với năm 1985 là: hàng dệt may tăng gấp 39 lần; hàng giấy dệp tăng gấp 250 lần, hàng thủ công mỹ nghệ gấp 106 lần; sản phẩm gỗ 107 lần... Về mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn, năm 1989 cả nước mới chỉ có 2 mặt hàng có trị giá xuất khẩu trên 200 triệu USD thì đến nay đã có 17 mặt hàng, trong đó có 9 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, lớn hơn kim ngạch xuất khẩu cả nước năm 1986, đó là: Dầu thô 8,3 tỷ, dệt may 5,8 tỷ, giấy dệp 3,6 tỷ, thủy sản chế biến 3,4 tỷ, hàng điện tử và linh kiện máy tính 1,8 tỷ, sản phẩm gỗ 1,9



Giàn khoan dầu khí - Bà Rịa Vũng Tàu

tỷ, cao su 1,3 tỷ, gạo 1,3 tỷ.

Xuất khẩu tăng nhanh một mặt đảm bảo thu ngoại tệ về cho đất nước, nhưng mặt khác đã góp phần tích cực hạn chế nhập siêu. Kim ngạch nhập khẩu sau 20 năm tăng 19,8 lần so với 46 lần của xuất khẩu. Tỷ trọng nhập siêu trong tổng kim ngạch xuất khẩu giảm dần, năm 1986 tỷ trọng nhập siêu trong kim ngạch xuất khẩu là 173%, năm 2005 chỉ còn 14,4%.

Về đầu tư: Cùng với sự tăng trưởng cao của GDP, tỷ trọng vốn đầu tư trong GDP của cả nước cũng tăng dần, năm 2005 ước đạt khoảng 335 nghìn tỷ đồng (giá thực tế), bằng 39,9% GDP (trong đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 15,7% tổng vốn đầu tư).

Trong cơ cấu, đầu tư cho ngành công nghiệp ngày càng lớn và chiếm tỷ trọng ngày càng cao. Năm 1995, đầu tư cho công nghiệp khoảng 22.673,3 tỷ đồng, chiếm 31% tổng vốn đầu tư toàn xã hội thì đến năm 2005 đã đạt 125.716 tỷ đồng, chiếm 39% tổng vốn đầu tư. Cơ cấu đầu tư trong nội bộ ngành công nghiệp cũng có sự dịch chuyển theo hướng tăng dần tỷ trọng cho công nghiệp chế biến, năm 2005 đạt 58,9% so với 54,6% năm 1995 và 52,3% năm 2000.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐẾN 2010

Các mục tiêu chung:

Một là, đạt tốc độ tăng trưởng sản xuất bình quân toàn ngành 15,2-15,5%. Tăng trưởng GDP công nghiệp và xây dựng bình quân 9,5-10,2% (ước bình quân 5 năm 2001-2005 là 10,3% nên sẽ đạt mức Nghị quyết IX đưa ra bình quân 10 năm 2001-2010 là 10,5%). Đến năm 2010, công nghiệp khai khoáng chiếm tỷ trọng 7,8% giá trị sản xuất công nghiệp, công nghiệp chế biến chiếm 88,3%, công nghiệp điện, nước, ga chiếm 3,9%. Phần đầu đến năm 2010 tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm 43-44% trong GDP cả nước. Cơ cấu công nghiệp quốc doanh giảm

từ 34,9% năm 2005 xuống khoảng 31% năm 2010, công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh tăng từ 28,9% năm 2005 lên khoảng 33% và khu vực đầu tư nước ngoài tăng chậm hơn từ 35,4% lên 36%.

Hai là, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành để giữ vững và mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; chuẩn bị thật tốt để tham gia đầy đủ vào WTO.

Ba là, đảm bảo cân đối cung - cầu của nền kinh tế về những sản phẩm công nghiệp chủ yếu (điện, than, thép xây dựng, phân lân chế biến, phân NPK, phân đạm urê, lốp ráp ô tô...); đáp ứng cơ bản những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu (vải, quần áo, giày dép, giấy viết, săm lốp xe đạp, săm lốp ô tô, xe máy, máy thu hình...), một số mặt hàng tiêu dùng phổ thông (quần áo may sẵn, giày dép, sữa hộp, đầu thực vật, bia, thuốc lá...).

Bốn là, phấn đấu tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu (dự kiến tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp đạt bình quân 16%/năm); đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm đã qua chế biến, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, đưa tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghiệp chiếm 77-80% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (Nghị quyết IX là 70-75%). Tốc độ tăng xuất khẩu hàng công nghiệp tăng trên 3 lần so với tăng GDP công nghiệp và xây dựng, đưa tỷ trọng hàng công nghiệp xuất khẩu đã qua chế biến lên 65-70% vào năm 2010.

Về phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu

Nhóm ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh: Nhóm ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh là nhóm ngành đáp ứng tốt các tiêu chí về năng lực sản xuất, về giá cả, chất lượng và thị trường, đồng thời tận dụng được lợi thế so sánh của đất nước (về lao động, về tài nguyên...) và có khả năng phát triển trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Trong giai đoạn tới cần tập trung vào một số

ngành sau: chế biến nông lâm thủy sản, dệt may, da giày, lắp ráp cơ điện tử, đóng tàu. Đây là những ngành khai thác được lợi thế về tài nguyên thiên nhiên (chế biến nông lâm thủy hải sản), giải quyết được nhiều việc làm, có nhu cầu thị trường lớn, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư, đáp ứng được định hướng lấy xuất khẩu làm động lực phát triển trong giai đoạn 2006-2010.

Định hướng chung cho nhóm ngành này trong 5 năm tới phải chuyển dịch theo hướng tăng giá trị gia tăng của sản phẩm, giảm dần tỷ lệ gia công, tăng cường khâu thiết kế (dệt may, da giày, lắp ráp cơ điện tử) và trình độ đội ngũ lao động, tăng cường chuyển giao công nghệ, trang thiết bị để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trong giai đoạn hội nhập sắp tới.

Nhóm ngành sản xuất tư liệu sản xuất: Đây là nhóm ngành công nghiệp có vai trò quan trọng, tăng khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế gồm: điện, dầu khí, than, hoá chất cơ bản, khai khoáng, cơ khí. Định hướng phát triển của nhóm ngành này trong giai đoạn tới là tập trung hoàn thành đúng tiến độ các dự án trọng điểm của ngành để đảm bảo đáp ứng cho các nhu cầu trong nước, tăng cường đầu tư chế biến sâu, nâng cao dần giá trị gia tăng trong sản phẩm, khai thác nguồn tài nguyên trong nước có hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cho người lao động và chống ô nhiễm môi trường sinh thái.

Nhóm ngành công nghiệp tiềm năng: Là nhóm ngành hiện tại năng lực cạnh tranh còn thấp nhưng có tiềm năng phát triển trong tương lai, bao gồm lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử, phần mềm; hoá dược, hoá mỹ phẩm, chất tẩy rửa; cơ khí chế tạo; nhóm sản phẩm từ công nghệ mới.

Về xuất nhập khẩu

Xuất khẩu: Với dự báo tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2006-2010 là 13-14% thì tới năm 2010 cả

nước xuất khẩu khoảng 62-67 tỷ USD. Mục tiêu của ngành sẽ tăng tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp từ 75,8% năm 2005 lên 77-80% vào năm 2010 thì giá trị kim ngạch sẽ đạt khoảng 47-50 tỷ USD. Trong đó:

Nhóm nguyên nhiên liệu (gồm hai sản phẩm chủ yếu là dầu thô và than đá) chiếm tỷ trọng khoảng 24-26% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá. Tuy nhiên sau khi các nhà máy lọc hoá dầu trong nước đi vào hoạt động sẽ giảm dần xuất khẩu dầu thô và để sử dụng cho sản xuất trong nước (tỷ lệ 50/50). Cùng với chủ trương hạn chế xuất khẩu tài nguyên, xuất khẩu than cũng sẽ duy trì ở mức 11 triệu tấn trong 1-2 năm đầu và giảm dần xuống 8 - 9 triệu tấn vào năm 2010. Dự kiến tỷ trọng của nhóm này sẽ giảm chỉ còn khoảng 10 - 13% trong 5 - 7 năm tới.

Nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tác: Hiện nay kim ngạch của nhóm này đã đạt khoảng 50% kim ngạch xuất khẩu. Mục tiêu phấn đấu vào năm 2010 là xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 60-70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của cả nước. Hạt nhân của nhóm cho tới năm 2010, vẫn sẽ là hai mặt hàng dệt may và giấy dếp, dây và cáp điện, linh kiện điện tử máy tính, sản phẩm nhựa, một số sản phẩm cơ khí chế tạo (ôtô, xe máy, máy động lực, máy nông nghiệp, đóng và sửa chữa tàu thuyền, xe đạp phụ tùng,...) chế biến nông-lâm-thủy sản, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm gỗ...

Nhập khẩu: Theo dự kiến tốc độ tăng bình quân về kim ngạch nhập khẩu hàng hoá cả nước giai đoạn 2006 - 2010 tăng bình quân 12-13%, thấp hơn tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu. Tổng kim ngạch nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, linh phụ kiện (không kể xăng dầu) phục vụ sản xuất công nghiệp tới năm 2010 khoảng 29-30 tỷ USD, bằng khoảng 46% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước (65-67 tỷ USD).

Nếu tính thêm một số mặt hàng như phân bón phục vụ nông nghiệp, ô tô nguyên chiếc cho tiêu dùng, thép thành phẩm, giấy các loại (loại giấy cao cấp trong nước chưa sản xuất được) thì khoảng 42 tỷ USD, bằng 55% tổng kim ngạch nhập khẩu và bằng khoảng 78% kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp.

Định hướng công tác đầu tư - xây dựng cơ bản: Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2006 - 2010 theo giá năm 2005 dự kiến khoảng 1.850 - 1.960 nghìn tỷ đồng, trong đó, đầu tư cho ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 44,6%, tương đương với 825 - 874 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8 lần giai đoạn 2001 -2005. Dự kiến nguồn vốn FDI đầu tư cho công nghiệp, kể cả đầu khí trong 5 năm 2006-2010 là 13-14 tỷ USD).

Chú trọng đầu tư công nghiệp năng lượng, công nghiệp sản xuất vật liệu, công nghiệp có công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐẾN 2020

Mục tiêu chung của toàn ngành là góp phần đưa đất nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Tái cơ cấu nội bộ ngành, đưa tỷ trọng của công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP lên 42% vào năm 2005, 42-43% vào năm 2010 và khoảng 45% năm 2020 (Theo Quy hoạch Vùng, tỷ trọng CNXD là 44-45% vào năm 2010; trên 46% vào năm 2020). Chuyển dịch cơ cấu sản xuất công nghiệp theo định hướng xuất khẩu có hiệu quả. Thúc đẩy mạnh công nghiệp nông thôn, phấn đấu đến năm 2020 công nghiệp nông thôn chiếm 50% giá trị sản xuất công nghiệp. Đầu tư phát triển công nghiệp ra nước ngoài thông qua các hình thức hợp tác, liên kết và đầu tư trực tiếp.

Để đạt được mục tiêu này, cần

phải:

Thứ nhất, tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp đang có lợi thế cạnh tranh, có thị trường và giải quyết nhiều lao động; kết hợp phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng để tăng khả năng tự chủ của nền kinh tế; tiếp tục đổi mới, sắp xếp và phát triển DNNN theo hướng hình thành các tập đoàn kinh tế, tổng công ty mạnh phát triển hiệu quả và bền vững, đa sở hữu làm nòng cốt trong một số lĩnh vực công nghiệp then chốt.

Thứ hai, tập trung thu hút đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia, sẵn sàng tham gia liên kết kinh tế dưới nhiều hình thức để đến năm 2020 công nghiệp Việt Nam trở thành một bộ phận không thể thiếu của hệ thống công nghiệp khu vực và thế giới.

Thứ ba, phát triển công nghiệp với tốc độ nhanh, theo phương châm "đi tắt đón đầu" phù hợp, chuyển từ thể hệ công nghiệp sử dụng nhiều lao động sang sử dụng công nghệ cao. Đi tắt khởi đầu bằng việc nhập khẩu công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển, ứng dụng, từng bước nâng cao và kết hợp với nền khoa học kỹ thuật trong nước. Từ gia công, lắp ráp, từng bước phát triển sang công nghiệp chế tạo và công nghệ kỹ thuật cao.

Thứ tư, phát triển công nghiệp lấy xuất khẩu làm mục tiêu và làm thước đo khả năng chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Phấn đấu đến năm 2020 Việt Nam được thế giới nói tới như một quốc gia công nghiệp mới nổi, có một số ngành công nghiệp chế tạo mạnh, phát triển tầm cỡ, chiếm thị phần lớn trong khu vực và thế giới dựa trên năng lực cạnh tranh động của Việt Nam.

Thứ năm, đầu tư nước ngoài là động lực cho tiến trình mở rộng và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng hiệu quả và hiện đại. ■